

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình đào tạo:** Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Mã số: 7810103

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; có trình độ công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phù hợp với sự phát triển và hội nhập của ngành du lịch; có kỹ năng nghiệp vụ thành thạo, làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học và thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

MT1: Đào tạo người học những hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống;

MT2: Hiểu biết kiến thức cơ sở kinh tế, quản trị và tài chính làm tiền đề tiếp thu kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch như: địa lý du lịch; quản trị chiến lược trong kinh doanh du lịch, quản trị tài chính du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn, quản lý điểm đến du lịch, tổ chức và điều hành tour, quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị lễ tân, ... vận dụng vào giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý của ngành dịch vụ du lịch và lữ hành.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

MT3: Đào tạo người học thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong nghề du lịch như: nghiệp vụ hướng dẫn; nghiệp vụ lễ tân, buồng phòng; thiết kế và điều hành tour; tiếp thị và bán Tour.

MT4: Rèn các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành lữ hành hoặc khách sạn, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và phần mềm chuyên ngành trong giao dịch với đối tác và phục vụ khách du lịch.

##### 1.2.3. Về thái độ

MT5: Hình thành ý thức công dân, phẩm chất đạo đức cá nhân, nhận thức rõ về nghề nghiệp, trách nhiệm đối với công việc và thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa.

##### 1.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Ngoài ra sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành du lịch hoặc tiếng Trung sơ cấp 1/6 tương đương trình độ HSK1 hoặc tiếng Hàn sơ cấp 1/6 tương đương trình độ TOPIK I cấp độ 1.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

CĐR1: Nhận thức được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn, đánh giá được các hiện tượng một cách logic và tích cực. Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp, vào cuộc sống.

CĐR2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức.

CĐR3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Ngoài ra sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn được chọn học Tiếng Anh chuyên ngành du lịch hoặc Trung văn sơ cấp 1/6 bậc tiếng Trung hoặc Hàn Ngữ sơ cấp 1/6 bậc tiếng Hàn.

CĐR4: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.

CĐR5: Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị, tài chính làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề kinh doanh du lịch và khách sạn.

CĐR6: Hiểu và vận dụng kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử, các tuyến điểm du lịch, tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch.

CĐR7: Hiểu và vận dụng các kiến thức chung ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành như: kinh tế du lịch, luật du lịch, thống kê du lịch, hành vi tiêu dùng trong du lịch, quản trị điểm đến du lịch, marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn để phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh du lịch, khách sạn.

CĐR8: Vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị kinh doanh lữ hành, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, tổ chức và điều hành tour hoặc quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị nghiệp vụ lễ tân, quản trị buồng khách sạn, quản trị nghiệp vụ nhà hàng và quầy bar vào thực hành, thực tập chuyên sâu của ngành đào tạo.

CĐR9: Nắm được kiến thức thực tiễn về các hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, kinh doanh khách sạn và có định hướng rõ ràng hơn về nghề quản trị khách sạn hoặc quản trị lữ hành.

CĐR10: Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp ít nhất một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

### **2.2. Kỹ năng**

#### **2.2.1. Kỹ năng cứng**

CĐR 11: Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, xây dựng được các chương trình du lịch phù hợp với từng tuyến du lịch, thực hiện các nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour du lịch.

CĐR 12: Thực hiện công tác tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch, thuyết minh hướng dẫn du lịch và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, phục vụ tốt du khách hoặc thực hiện các nghiệp vụ tác nghiệp của bộ phận lễ tân, buồng phòng, ăn uống.

CĐR13: Thành thạo quản lý được các hoạt động dịch vụ tại các điểm đến du lịch, các cơ sở lưu trú, sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất. Xử lý các tình huống thường gặp trong hoạt động du lịch.

CĐR14: Phân tích chương trình xúc tiến hỗn hợp, chương trình du lịch trọn gói của một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành cụ thể.

CĐR15: Thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.

### 2.2.2. Kỹ năng mềm

CĐR16: Khả năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ với khách hàng, đối tác

CĐR17: Phối hợp làm việc theo nhóm hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và công việc.

CĐR18: Khả năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.

CĐR19: Sử dụng tốt một số phần mềm trong ngành du lịch như: phần mềm quản lý công ty du lịch, khách sạn, phần mềm quản lý tour, hệ thống đặt chỗ toàn cầu (CRS), hệ thống phân phối toàn cầu (GDS);

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR20: Hình thành ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

CĐR21: Khả năng dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc và tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

CĐR22: Trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ làm việc đúng mực.

### 2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

**Cơ sở kinh doanh du lịch:** Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch hoặc chuyên viên phụ trách các bộ phận lễ tân, buồng phòng, ăn uống trong các cơ sở lưu trú.

- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

**Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch:** Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lễ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.
- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.
- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.
- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

### 2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

### 3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
MT1	x	x	x	x																		
MT2					x	x	x	x	x	x												
MT3											x	x	x	x	x							
MT4																x	x	x	x			
MT5																				x	x	x

**4. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 140 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

#### Trong đó:

- \* Khối kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ (25,71%)
- \* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 104 tín chỉ (74,29%)
  - o Phần lý thuyết: 70 tín chỉ
  - o Phần thực hành, thực tập, đồ án: 25 tín chỉ
  - o Khoá luận tốt nghiệp: 09 tín chỉ

**5. Đối tượng tuyển sinh:** Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

**7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

### 8. Nội dung chương trình

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
	<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b> (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)		<b>36</b>		
	<b>1.1. Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac - Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>		<b>2</b>		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>		<b>16</b>		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	<b>1.4. Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học</b>		<b>2</b>		
001053	1. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26,8,60)	x
	<b>1.5. Kiến thức bổ trợ</b>		<b>5</b>		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp – DL xử hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
001200	4. Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	LLCT&PL	2	(26,8,60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26,8,60)	
001382	6. Cơ sở văn hóa Việt Nam	DLKS	2	(26,8,60)	x
	<b>1.6. Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng</b>	<b>GDQP</b>	<b>8</b>		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	<b>2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>104</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành</b>		<b>16</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>14</b>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
001109	4. Tài chính - tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
000493	6. Quản trị học	QT&MAR	2	(26,8,60)	x
	<i>Các học phần tự chọn</i> <i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>		<b>2</b>		
002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DLKS	2	(26,8,60)	x
000568	2. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	
001104	3. Marketing căn bản	QT&MAR	2	(26,8,60)	
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>		<b>88</b>		
	<b>2.2.1. Kiến thức chung của ngành</b>		<b>62</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>45</b>		
001981	1. Kinh tế du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001974	2. Địa lý du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001994	3. Thống kê du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
001982	4. Luật du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
001999	5. Quản trị quan hệ khách hàng	DLKS	3	(39,12,90)	x
002006	6. Tin học ứng dụng trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
001985	7. Quản lý điểm đến du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001983	8. Marketing du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002072	10. Nghiệp vụ ăn uống	DLKS	3	(0,90,90)	x
001984	11. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DLKS	3	(0,90,90)	x
002007	12. Tổ chức và điều hành tour	DLKS	3	(39,12,90)	x
001987	13. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
002070	14. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	x
001958	15. Kiến tập tour	DLKS	3	(0,180,90)	x
002000	16. Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	DLKS	2	(0,60,60)	x
	<b><i>Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn</i></b>		<b><i>12</i></b>		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DLKS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DLKS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	x
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	x
002096	5. Tiếng Hàn 1	NN	3	(39,12,90)	
002097	6. Tiếng Hàn 2	NN	3	(39,12,90)	
	<b><i>Các học phần bổ trợ tự chọn</i></b>		<b><i>5</i></b>		
001993	1. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
002098	2. Văn hóa du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	
002099	3. Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực	DLKS	2	(26,8,60)	
001978	4. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	
001991	5. Quản trị rủi ro trong du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	
002413	6. Thực tập marketing trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	DLKS	2	(0,60,60)	
001998	7. Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	DLKS	3	(0,90,90)	x
002414	8. Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	

<b>Mã học phần</b>	<b>Học phần</b>	<b>Khoa/Bộ môn thực hiện</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</b>	<b>Ghi chú</b>
001992	9. Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	
002001	10. Quản trị doanh thu khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	
<b>2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành</b>			<b>26</b>		
<b>Tự chọn theo định hướng</b>					
<i>Modul 1: Quản trị lữ hành</i>			26		
001988	1. Quản trị kinh doanh lữ hành	DLKS	3	(39,12,90)	x
002002	2. Tuyển điểm du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001995	4. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DLKS	3	(0,90,90)	x
001996	5. Thực tập cuối khóa	DLKS	5	(0,300,0)	x
001979	<b>6. Khóa luận tốt nghiệp ngành DL&amp;KS</b>	DLKS	<b>9</b>	<b>(0,540,0)</b>	
001976	7. Du lịch sinh thái	DLKS	3	(39,12,90)	x
001977	8. Du lịch văn hóa	DLKS	3	(39,12,90)	x
001975	9. Du lịch MICE	DLKS	3	(39,12,90)	x
<i>Modul 2: Quản trị khách sạn</i>			26		
002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002071	2. Quản trị buồng khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
001997	3. Quản trị kinh doanh nhà hàng	DLKS	3	(39,12,90)	x
002080	4. Thực tập nghiệp vụ khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	x
001996	5. Thực tập cuối khóa	DLKS	5	(0,300,0)	x
001979	<b>6. Khóa luận tốt nghiệp ngành DL&amp;KS</b>	DLKS	<b>9</b>	<b>(0,540,0)</b>	
002073	7. Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort	DLKS	3	(39,12,90)	x
002074	8. Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002075	9. Quản trị chất lượng dịch vụ	DLKS	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

## **9. Hướng dẫn thực hiện**

### *9.1. Nguyên tắc chung*

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.



- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

## 9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

**Chú ý:**

▪ Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

▪ Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

○ Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

○ Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

**9.3. Chế độ công tác giảng viên**

- Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế

- Kỹ thuật Công nghiệp.

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**TS. Trần Hoàng Long**

